

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 24/01/2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Trung Nhân**

2. Ông **Trần Văn Nhu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè:* Không tham gia.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2021/QĐXXST-KDTM ngày 13/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở chính: Số Z, THĐ, phường C, quận K, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Đức R.** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần X: Ông **Phạm Minh L** - Phó giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần X - Chi nhánh Q (Theo văn bản ủy quyền số 554/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 19/5/2020)

- Người đại diện theo ủy quyền ông L: Ông **Đặng Văn T.** Chức vụ: Nhân viên quản lý nợ có vấn đề - Ngân hàng thương mại cổ phần X - Chi nhánh Q. (Theo văn bản ủy quyền số 20/UQ-CTTG-TH ngày 17/5/2021)

2. Bị đơn: - Ông Cao Quang G, sinh năm: 1963.

- Bà **Trần Thị U,** sinh năm: 1965.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Đại diện Ngân hàng ông T có mặt; ông G, bà U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/03/2021, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 17/5/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Công thương Việt Nam trình bày:*

Vào năm 2019 Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Q có cho bị đơn ông G, bà U vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 09020/2019-HĐCVHM/NHCT762 ngày 06/9/2019, hạn mức cho vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 06/9/2019 đến ngày 04/9/2020. Số tiền ông G, bà U đã nhận là 1.370.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay kinh doanh lương thực. Tài sản đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 14687/HĐTC ngày 12/3/2015 được chứng thực ngày 14/3/2015. Gồm quyền sử dụng đất các thửa đất số 45, thửa đất số 51, thửa đất số 46, và thửa đất số 193, do ông Cao Quang G đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi vay bị đơn đã trả được vốn và lãi tính đến ngày 25/02/2021 là 55.472.911 đồng, trong đó vốn là 10.344.239 đồng, lãi là 45.128.672 đồng. Còn lại tiền gốc chưa trả đến nay đã quá hạn số tiền 1.359.655.761 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông G và bà U liên đới trả cho ngân hàng số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày xét xử số tiền là 1.584.663.543 đồng, trong đó vốn vay là 1.359.655.761 đồng, lãi là 225.007.782 đồng. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn tiếp tục trả tiền lãi quá hạn cho ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 26/02/2021 đến khi thi hành án xong.

Bị đơn ông Cao Quang G và bà Trần Thị U không cung cấp lời khai cũng như ý kiến đối với việc ngân hàng khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/01/2022 số tiền là 1.584.663.543 đồng. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Q kiện ông G, bà U tranh chấp về hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Q kiện ông G, bà U yêu cầu trả số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 09020/2019-HĐCVHM/NHCT762 ngày 06/9/2019, nên xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại các Điều 90 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- *Về việc vắng mặt của các đương sự:* Ông G, bà U là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc Ngân hàng khởi kiện đến lần

thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông G, bà U.

- *Về việc ủy quyền:* Đại diện Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Q ủy quyền Đặng Văn T (Theo văn bản ủy quyền số 20/UQ-CTTG-TH ngày 17/5/2021). Xét việc ủy quyền của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự, nên ông T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

- *Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/03/2021, Ngân hàng có xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Cao Thị Huyền T1, sinh năm 1991 và anh Cao Quan T2, sinh năm 1993 và yêu cầu anh T2, chị T1 liên đới cùng ông G, bà U trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 09020/2019-HĐCVHM/NHCT762 ngày 06/9/2019. Tuy nhiên đến ngày 17/5/2021, Ngân hàng có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện nội dung thay đổi là không yêu cầu chị T1, anh T2 cùng bị đơn trả nợ và rU lại yêu cầu xác định anh T2, chị T1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đồng thời nội dung tranh chấp cũng không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của chị T1, anh T2. Do vậy không cần thiết đưa chị Cao Thị Huyền T1 và anh Cao Quan T2 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Q có cho bị đơn ông G, bà U vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 09020/2019-HĐCVHM/NHCT762 ngày 06/9/2019, hạn mức cho vay 1.500.000.000 đồng, Số tiền ông G, bà U đã nhận là 1.370.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay kinh doanh lương thực. Tài sản đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 14687/HĐTC ngày 12/3/2015 được chứng thực ngày 14/3/2015. Gồm quyền sử dụng đất các thửa đất số 45, thửa đất số 51, thửa đất số 46, và thửa đất số 193, do ông Cao Quang G đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi vay bị đơn đã trả được vốn và lãi tính đến ngày 25/02/2021 là 55.472.911 đồng, trong đó vốn là 10.344.239 đồng, lãi là 45.128.672 đồng. Còn lại tiền gốc chưa trả đến nay đã quá hạn số tiền 1.359.655.761 đồng.

[2.1]. Ông G, bà U là bị đơn trong vụ án. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông, bà đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết và dự phiên tòa xét xử việc ngân hàng khởi kiện nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không lý do. Đồng thời, cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc ngân hàng khởi kiện, xem như ông, bà đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình.

[2.2]. *Về chứng cứ:*

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 09020/2019-HĐCVHM/NHCT762 ngày 06/9/2019 ông G, bà U là người đứng ra vay của Ngân hàng số tiền vốn đã nhận là 1.370.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay kinh doanh lương thực. Căn cứ vào các giấy nhận nợ, cũng như hợp đồng thế chấp tài sản được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, nên có căn cứ xác định ông G, bà U có vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 09020/2019-HĐCVHM/NHCT762 ngày 06/9/2019, thời hạn vay 06 tháng, nhưng đến nay chưa trả là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu

ông G, bà U trả số tiền là 1.584.663.543 đồng, trong đó nợ gốc là 1.359.655.761 đồng, lãi là 225.007.782 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông G, bà U liên đới trả cho Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Q số tiền tổng cộng là 1.584.663.543 đồng (Tiền vốn là 1.359.655.761 đồng, tiền lãi là 225.007.782 đồng).

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nên ông G, bà U phải chịu án phí Kinh doanh, thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 90, Điều 91, Điều 94 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điều 280, Điều 288 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi năm 2014;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/8/2016;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X.

- Buộc ông Cao Quang G, bà Trần Thị U liên đới trả cho Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Q số tiền vốn và lãi tổng cộng là 1.584.663.543 đồng.

- Ông G, bà U phải trả tiếp tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/01/2022 theo mức suất mà các bên đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng số 09020/2019-HĐCVHM/NHCT762 ngày 06/9/2019 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Cao Quang G, bà Trần Thị U liên đới chịu 59.539.906 đồng.

- Hoàn lại Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.206.637 đồng theo biên lai thu số 0000511 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Ông G, bà U được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN